VIỄN ĐÔNG
THIẾT BỊ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP
Đ/c: 187A Bến Vân Đồn, P.Khánh Hội
Email: viendong-electric@hcm.fpt.vn
ĐT: 028-39435276 - 39435278, Fax: 028-39435309

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU *LS* (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)

LS ELECTRIC

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 2 Pha			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	990,000
ABN62c	60A	30	1,100,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	1,280,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	2,400,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	5,800,000
ABS32c	5-10-15-20-30A	25	950,000
ABS52c	15-20-30-40-50A	35	1,060,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,750,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	2,700,000
BS32c (không vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	115,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	165,000
Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 3 Pha			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	1,150,000
ABN63c	60A	18	1,300,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,500,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	2,860,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	7,150,000
ABN803c	500-630A	45	13,700,000
ABN803c	700-800A	45	15,500,000
ABS33c	5-10-20-30A	14	1,120,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	1,250,000
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	2,050,000
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	3,350,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	7,700,000
ABS803c	500-630A	75	16,100,000
ABS803c	700-800A	75	17,300,000
ABS1003b	1000A	65	33,600,000
ABS1203b	1200A	65	36,000,000
TS1000N 3P	1000A	50	51,500,000
TS1250N 3P	1250A	50	54,000,000
TS1600N 3P	1600A	50	65,000,000
TS1000H 3P	1000A	70	53,700,000
TS1250H 3P	1250A	70	57,500,000
TS1600H 3P	1600A	70	68,500,000
TS1000L 3P	1000A	150	75,000,000

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 4 Pha			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,500,000
ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,850,000
ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	3,450,000
ABN404c	250-300-350-400A	42	8,250,000
ABN804c	500-630A	45	15,500,000
ABN804c	700-800A	45	18,100,000
ABS54c	15-20-30-40-50A	22	1,550,000
ABS104c	20,30,40,50,60,75,100,125A	42	2,350,000
ABS204c	150,175,200,225,250A	42	3,900,000
ABS404c	250-300-350-400A	65	9,500,000
ABS804c	500-630A	75	19,800,000
ABS804c	700-800A	75	22,500,000
ABS1004b	1000A	65	38,500,000
ABS1204b	1200A	65	42,200,000
TS1000N 4P	1000A	50	63,000,000
TS1250N 4P	1250A	50	66,000,000
TS1600N 4P	1600A	50	79,500,000
TS1000H 4P	1000A	70	68,500,000
TS1250H 4P	1250A	70	77,000,000
TS1600H 4P	1600A	70	96,000,000
Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
32GRc	15-20-30A	1.5	450,000
32GRhS	15-20-30A	2.5	450,000
32KGRd	15-20-30A	2.5	450,000
EBS52Fb	40-50A	5	760,000
EBE102Fb	60-75-100A	5	1,380,000
EBN52c	15-20-30-40-50A	30	1,820,000
EBN102c	60-75-100A	35	2,500,000
Cầu dao điện ELCB 3 pha loại khối chống rò điện			
EBN53c	15,20,30,40,50A	14	2,280,000
EBN103c	60,75,100A	18	3,000,000
EBN203c	125,150,175,200,225,250A	26	6,600,000
EBN403c	250-300-350-400A	37	11,800,000
EBN803c	500,630A	37	22,500,000
EBN803c	800A	37	28,600,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

MCCB 3 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x In max			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
ABS103c FMU	20-25-32-40-50-63-80-100-125A	37	2,500,000
ABS203c FMU	100-125-160-200-250A	37	3,850,000
MCCB 4 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7,0.85,1.0)xIn max			
ABS104c FMU	20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,950,000
ABS204c FMU	100-125-160-200-250A	37	4,800,000

Cầu dao điện ELCB 4 cực loại khối chống rò điện			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
EBN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	4,100,000
EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	37	4,700,000
EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	9,500,000
EBN404c	250,300,350,400A	37	16,600,000

PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)		
Cuộn đóng ngắt Shunt Trip (SHT)	SHT for ABN100c~ABH250c	930,000
	SHT for ABN403c~803c	1,120,000
	SHT for ABS1003b~1204b	1,920,000
	SHT for TS1000~1600	1,600,000
Cuộn bảo vệ thấp áp Under Vol. Trip (UVT)	UVT for ABN100c~ABH250c	1,160,000
	UVT for ABN403c~803c	1,380,000
	UVT for ABS1003b~1204b	1,820,000
	UVT for TS1000~1600	1,920,000
Tiếp điểm phụ Auxiliary switch (AX)	AX for ABN100c~ABH250c	365,000
	AX for ABN403c~803c	550,000
	AX for ABS1003b~1204b	575,000
	AX for TS1000~1600	480,000
Tiếp điểm cảnh báo Alarm switch (AL)	AL for ABN100c~ABH250c	365,000
	AL for ABN403c~803c	550,000
	AL for ABS1003b~1204b	575,000
	AL for TS1000~1600	480,000
AL và AX	AL/AX for ABN100c~ABH250c	770,000
Tấm chắn pha: Insulation barrier	IB-13 for ABN52~103c	11,000
	IB-23 for ABS103c~ABN/S203c	22,000
	B-43B for ABN/S403c	37,600
	Barrier insulation for ABS803c/TS630	41,800
	Barrier insulation for ABS1200b	47,000

PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)		
Tay xoay (Handle) (DH loại gắn trực tiếp)	DH100-S for ABN103c	670,000
	DH125-S for ABS125c	700,000
	DH250-S for ABH250c	710,000
	N~70S for ABN403c	1,450,000
	N~80S for ABN803c	1,450,000
(EH loại gắn ngoài)	EH100-S for ABN103c	990,000
	EH125-S for ABS125c	990,000
	EH250-S for ABN250c	1,030,000
	E-70U for ABN403c	2,200,000
	E-80U for ABN803c	2,540,000
Mô tơ điều khiển On/Off cho MCCB Motor operator (MOP)	MOP M1 for ABN52c~104c	6,300,000
	MOP M2 for ABS/H103c~104c	6,850,000
	MOP M3 for ABN/S/H202c~204c	8,500,000
	MOP M4 for ABN/S/H402c~404c	10,400,000
	MOP M5 for ABN/S/H802c~804c	12,500,000
	MOP M6 for ABS1003b~1204b	15,000,000
Khóa liên động (Mechanical interlock)	MI-13S for ABN53~103c	980,000
	MI-23S for ABS103c	1,000,000
	MI-33S for ABN/S203c	1,030,000
	MI-43S for ABN/S403c	1,430,000
	MI-83S for ABN/S803c	1,650,000
Thanh cái	Busbar for ABN/S803c	3,000,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

VIỄN ĐÔNG
THIẾT BỊ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP
Đ/c: 187A Bến Vân Đồn, P.Khánh Hội
Email: viendong-electric@hcm.fpt.vn
ĐT: 028-39435276 - 39435278, Fax: 028-39435309

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU *LS* (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)

Cầu dao điện loại tép MCB (gắn trên thanh ray)			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
LA63N 1P	6-10-16-20-25-32A	6KA	115,000
LA63N 1P	40-50-63A	6KA	121,000
LA63N 2P	6-10-16-20-25-32A	6KA	254,000
LA63N 2P	40-50-63A	6KA	260,000
LA63N 3P	6-10-16-20-25-32A	6KA	406,000
LA63N 3P	40-50-63A	6KA	415,000
LA63N 4P	6-10-16-20-25-32A	6KA	590,000
LA63N 4P	40-50-63A	6KA	674,000
LA63H 1P	6-10-16-20-25-32A	10KA	166,000
LA63H 1P	40-50-63A	10KA	192,000
LA63H 2P	6-10-16-20-25-32A	10KA	360,000
LA63H 2P	40-50-63A	10KA	406,000
LA63H 3P	6-10-16-20-25-32A	10KA	576,000
LA63H 3P	40-50-63A	10KA	696,000
LA63H 4P	6-10-16-20-25-32A	10KA	850,000
LA63H 4P	40-50-63A	10KA	990,000
LA63L 1P	6-10-16-20-25-32A	25KA	210,000
LA63L 1P	40-50-63A	15KA	242,000
LA63L 2P	6-10-16-20-25-32A	25KA	506,000
LA63L 2P	40-50-63A	15KA	550,000
LA63L 3P	6-10-16-20-25-32A	25KA	730,000
LA63L 3P	40-50-63A	15KA	825,000
LA63L 4P	6-10-16-20-25-32A	25KA	1,160,000
LA63L 4P	40-50-63A	15KA	1,270,000
LA125H 1P	80-100A	10KA	320,000
LA125H 1P	125A	10KA	596,000
LA125H 2P	80-100A	10KA	686,000
LA125H 2P	125A	10KA	770,000
LA125H 3P	80-100A	10KA	1,090,000
LA125H 3P	125A	10KA	1,200,000
LA125H 4P	80-100A	10KA	1,410,000
LA125H 4P	125A	10KA	1,850,000

PHỤ KIỆN MCB	
Tên hàng	**Giá bán**
Auxiliary switch: AX for LA/LC	300,000
Alarm switch: AL for LA/LC	300,000
Shunt for LA/LC	520,000
Auxiliary switch: AX for LB	354,000
Alarm switch: AL for LB	354,000
Shunt for LB	550,000

Cầu dao điện loại tép bảo vệ quá tải và chống rò điện RCBO			
Tên hàng	**In (A)**	**Icn(KA)**	**Giá bán**
LB63N 1P+N	3-6-10-16-20-25-32A	6KA	596,000
LB63N 1P+N	40-50-63A	6KA	638,000
LB40NN 1P+N	6-10-16-20-25-32A	6KA	1,080,000
LB40NN 1P+N	40A	6KA	1,160,000
LB50HW 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10KA	1,260,000
LB50HW 1P+N	40-50A	10KA	1,260,000
LB63HW 3P+N	6-10-16-20-25-32A	10KA	5,500,000
LB63HW 3P+N	40-63A	10KA	5,500,000

Cầu dao điện loại tép chống rò điện RCCB (gắn thanh ray)			
Tên hàng	**In (A)**	**Inc(KA)**	**Giá bán**
LC63N 1P+N	16-25-32-40-50A	6KA	880,000
LC63N 1P+N	63A	6KA	910,000
LC63N 3P+N	16-25-32-40-50A	6KA	1,260,000
LC63N 3P+N	63A	6KA	1,380,000
LC100H 1P+N	16-25-32-40A	10KA	1,090,000
LC100H 1P+N	50-63A	10KA	1,180,000
LC100H 1P+N	80-100A	10KA	1,380,000
LC100H 3P+N	25-32-40A	10KA	1,550,000
LC100H 3P+N	50-63A	10KA	1,760,000
LC100H 3P+N	80-100A	10KA	2,090,000

Thiết bị chống sét (Surge Protective Device)			
Tên hàng	**Uc [V] L/N-PE**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
BK05S-T3 2P	385V	10KV	1,750,000
BK05S-T3 4P	385V	10KV	3,440,000
BK10S-T2 2P	385V	20KA	1,920,000
BK10S-T2 3P	385V	20KA	2,200,000
BK10S-T2 4P	385V	20KA	3,750,000
BK20S-T2 2P	385V	40KA	2,160,000
BK20S-T2 3P	385V	40KA	2,520,000
BK20S-T2 4P	385V	40KA	5,200,000
BK30S-T2 2P	385V	60KA	2,520,000
BK30S-T2 3P	385V	60KA	3,100,000
BK30S-T2 4P	385V	60KA	5,650,000
BK40S-T2 1P	385V	80KA	2,300,000
BK40S-T2 2P	385V	80KA	2,760,000
BK40S-T2 3P	385V	80KA	4,400,000
BK40S-T2 4P	385V	80KA	6,800,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

VIỄN ĐÔNG
THIẾT BỊ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP
Đ/c: 187A Bến Vân Đồn, P.Khánh Hội
Email: viendong-electric@hcm.fpt.vn
ĐT: 028-39435276 - 39435278, Fax: 028-39435309

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU *LS* (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)

KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES) - AC Coil		
Tên hàng	**In (A)**	**Giá bán**
MC-6a (1)	6A (1a)	420,000
MC-9a (1)	9A (1a)	440,000
MC-12a (1)	12A (1a)	460,000
MC-18a (1)	18A (1a)	700,000
MC-9b (2)	9A (1a1b)	460,000
MC-12b (2)	12A (1a1b)	520,000
MC-18b (2)	18A (1a1b)	740,000
MC-22b (2)	22A (1a1b)	910,000
MC-32a (2)	32A (2a2b)	1,320,000
MC-40a (2)	40A (2a2b)	1,580,000
MC-50a (3)	50A (2a2b)	2,060,000
MC-65a (3)	65A (2a2b)	2,320,000
MC-75a (4)	75A (2a2b)	2,640,000
MC-85a (4)	85A (2a2b)	3,140,000
MC-100a (4)	100A (2a2b)	4,140,000
MC-130a (5)	130A (2a2b)	5,000,000
MC-150a (5)	150A (2a2b)	6,400,000
MC-185a (6)	185A (2a2b)	7,940,000
MC-225a (6)	225A (2a2b)	9,520,000
MC-265a (7)	265A (2a2b)	12,900,000
MC-330a (7)	330A (2a2b)	14,000,000
MC-400a (7)	400A (2a2b)	16,400,000
MC-500a (8)	500A (2a2b)	32,200,000
MC-630a (8)	630A (2a2b)	33,600,000
MC-800a (8)	800A (2a2b)	43,200,000

CONTACTOR RELAYS		
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	630,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	750,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	850,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	710,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	830,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	970,000

TIẾP ĐIỂM PHỤ		
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	136,000
UA-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	136,000
UA-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	230,000
AU-100 (bên hông)	NO+1NC dùng cho MC-185a~800	280,000

KHÓA LIÊN ĐỘNG		
UR-2	MC-6a~150a	280,000
AR-180	MC-185a~400a	980,000
AR-600	MC-500a~800a	14,400,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

RƠ LE NHIỆT		
Tên hàng	**In (A)**	**Giá bán**
MT-12 (1)	0.63~18A	470,000
MT-32 (2)	0.63~19A	530,000
MT-32 (2)	21.5~40A	530,000
MT-63 (3)	34-50, 45-65A	1,020,000
MT-95 (4)	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	1,700,000
MT-150 (5)	80-105A, 95-130A,110-150A	2,500,000
MT-225 (6)	85-125,100-160,120-185,160-240A	4,100,000
MT-400 (7)	200-330A và 260-400A	5,840,000
MT-800 (8)	400-630A và 520-800A	11,000,000
RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays		
GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,160,000
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,740,000
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,260,000
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,740,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	1,080,000

***(1)** MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A;4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;*

***(2)** MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A;4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;*

***(3)** MT-63 dùng cho từ MC-50a và MC-65a*

***(4)** MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a*

***(5)** MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a*

***(6)** MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a*

***(7)** MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a*

***(8)** MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630a và MC-800a*

* GMP22 dùng cho MC-9b~22b, GMP40 dùng cho MC32a-40a

CUỘN HÚT KHỞI ĐỘNG TỪ	
Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b	280,000
Coil for MC32a, 40a	280,000
Coil for MC-50a, 65a	330,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a	440,000
Coil for MC-130a, 150a	2,100,000
Coil for MC-185a, 225a	2,860,000
Coil for MC-330a, 400a	5,160,000
Coil for MC-630a, 800a	6,800,000

TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)		
AC-9	MC-6a~40a	520,000
AC-50	MC-50a~65a	680,000
AC-75	MC-75a~100a	680,000
HỘP CHO KHỞI ĐỘNG TỪ (Encloser)		
MW-9bB~22bB	Steel dùng cho MC-6a~22b	960,000

VIỄN ĐÔNG
THIẾT BỊ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP
Đ/c: 187A Bến Vân Đồn, P.Khánh Hội
Email: viendong-electric@hcm.fpt.vn
ĐT: 028-39435276 - 39435278, Fax: 028-39435309

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU *LS* (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)

Cầu dao điện ACB METASOL 3 Pha (loại cố định)

Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
AN-06D3-06H AH6	630A	65	58,500,000
AN-08D3-08H AH6	800A	65	62,800,000
AN-10D3-10H AH6	1000A	65	64,500,000
AN-13D3-13H AH6	1250A	65	67,500,000
AN-16D3-16H AH6	1600A	65	71,800,000
AS-20E3-20H AH6	2000A	85	96,500,000
AS-25E3-25H AH6	2500A	85	135,000,000
AS-32E3-32H AH6	3200A	85	156,800,000
AS-40E3-40V AH6	4000A	85	261,000,000
AS-40F3-40H AH6	4000A	100	268,000,000
AS-50F3-50H AH6	5000A	100	275,000,000
AS-63G3-63H AH6	6300A	120	460,000,000

ACB METASOL 4 Pha (loại cố định)

Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D4-06H AH6	630A	65	64,500,000
AN-08D4-08H AH6	800A	65	70,500,000
AN-10D4-10H AH6	1000A	65	72,800,000
AN-13D4-13H AH6	1250A	65	76,500,000
AN-16D4-16H AH6	1600A	65	84,000,000
AS-20E4-20H AH6	2000A	85	118,000,000
AS-25E4-25H AH6	2500A	85	158,000,000
AS-32E4-32H AH6	3200A	85	188,000,000
AS-40E4-40V AH6	4000A	85	316,000,000
AS-40F4-40H AH6	4000A	100	330,000,000
AS-50F4-50H AH6	5000A	100	342,000,000
AS-63G4-63H AH6	6300A	120	598,000,000

PHỤ KIỆN ACB

Bộ bảo vệ thấp áp	UVT coil	2,700,000
(UVT+UDC)	UDC: UVT Controller	2,900,000
Shunt Coil (cuộn mở)	SHT for ACB	1,580,000
Cuộn đóng	Closing coil for ACB	1,960,000

ACB METASOL 3 Pha loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT

Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
AN-06D3-06H NH5 without ACC	630A	65	40,000,000
AN-08D3-08H NH5 without ACC	800A	65	46,500,000
AN-10D3-10H NH5 without ACC	1000A	65	48,000,000
AN-13D3-13H NH5 without ACC	1250A	65	51,600,000
AN-16D3-16H NH5 without ACC	1600A	65	58,500,000
AS-20E3-20H NH5 without ACC	2000A	85	80,500,000
AS-25E3-25H NH5 without ACC	2500A	85	118,000,000
AS-32E3-32H NH5 without ACC	3200A	85	138,000,000
AS-40E3-40V NH5 without ACC	4000A	85	249,000,000
AS-40F3-40H NH5 without ACC	4000A	100	255,000,000
AS-50F3-50H NH5 without ACC	5000A	100	258,000,000
AS-63G3-63H NH5 without ACC	6300A	120	438,000,000

ACB METASOL 4 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT

Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D4-06H NH5 without ACC	630A	65	49,500,000
AN-08D4-08H NH5 without ACC	800A	65	56,000,000
AN-10D4-10H NH5 without ACC	1000A	65	58,000,000
AN-13D4-13H NH5 without ACC	1250A	65	61,000,000
AN-16D4-16H NH5 without ACC	1600A	65	67,500,000
AS-20E4-20H NH5 without ACC	2000A	85	100,800,000
AS-25E4-25H NH5 without ACC	2500A	85	142,000,000
AS-32E4-32H NH5 without ACC	3200A	85	171,000,000
AS-40E4-40V NH5 without ACC	4000A	85	299,000,000
AS-40F4-40H NH5 without ACC	4000A	100	318,000,000
AS-50F4-50H NH5 without ACC	5000A	100	329,000,000
AS-63G4-63H NH5 without ACC	6300A	120	576,000,000

PHỤ KIỆN ACB

Khóa liên động	2-way (dùng cho 2 ACB)	12,000,000
(Mechanical Interlock)	3-way (dùng cho 3 ACB)	22,000,000
Tấm chắn pha	IB for ACB 630A~6300A	600,000
Mô tơ nạp	Motor	7,200,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT